

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
KHOA LLCT – GDCD

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN 2022

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: GIÁO DỤC CÔNG DÂN
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO: 7140204
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

HÀ NỘI - 2022

MỤC LỤC

1.THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chung.....	3
1.2. Thông tin chung.....	3
1.3. Mục tiêu chương trình đào tạo.....	4
1.4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	5
1.5. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	15
1.6. Tiêu chí tuyển sinh.....	16
1.7. Thời điểm thiết kế/điều chỉnh bản mô tả CTĐT.....	17
2. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	17
2.1. Cấu trúc chương trình đào tạo	17
2.3. Tiến trình đào tạo (theo học kỳ)	23
2.4. Mô tả tóm tắt các học phần trong chương trình đào tạo.....	26
2.5. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và CDR của chương trình đào tạo.....	40
2.5.1. Bảng ma trận đáp ứng giữa các học phần nghiệp vụ chuyên ngành và các học phần chuyên môn của ngành với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	40
2.5.2. Ma trận tích hợp phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần với chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo.....	44

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chung

Chương trình chi tiết giáo dục đại học ngành Giáo dục công dân được xây dựng trên cơ sở chương trình khung giáo dục đại học ngành Giáo dục công dân trình độ đại học, ban hành theo quyết định số 8449/QĐ-BGD&ĐT ngày 19 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở tiếp thu và kế thừa chương trình đào tạo Giáo dục chính trị đã có bề dày truyền thống 45 năm, kết hợp với nguyên tắc đảm bảo tính hiện đại, tính hiệu quả, tính hệ thống và tính phát triển. Trên cơ sở đó, chương trình Giáo dục công dân có thể được phát triển cho phù hợp với các yêu cầu và đòi hỏi ngày càng cao của đời sống xã hội. Các học phần trong chương trình cung cấp cho sinh viên các kiến thức vừa có chiều rộng, vừa chuyên sâu, tạo điều kiện cho sinh viên có được nền tảng tri thức vững vàng, đồng thời giúp sinh viên khi tốt nghiệp có khả năng giảng dạy Giáo dục công dân tại các trường phổ thông trong cả nước, có khả năng thích ứng, thực hiện nhiều công việc khác nhau có đòi hỏi chung về tri thức và kỹ năng giáo dục công dân. Phân bố thời lượng của các môn học trong chương trình mới chú ý nhiều hơn đến việc tích cực hoá hoạt động của sinh viên, hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên thông qua các giờ thảo luận, làm bài tập. Chương trình cũng đòi hỏi sinh viên chủ động hơn trong việc tự học, tự nghiên cứu.

1.2. Thông tin chung

1.	Tên cơ sở giáo dục	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
2.	Tên gọi của văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp	Cử nhân sư phạm Giáo dục công dân
3.	Tên chương trình đào tạo	CTĐT cử nhân sư phạm
4.	Tên ngành đào tạo	Giáo dục công dân

5.	Mã số ngành đào tạo	7140204
6.	Loại hình đào tạo	Chính quy
7.	Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
8.	Thời gian đào tạo	4 năm (<i>sinh viên có thể rút ngắn thời gian học còn 3 năm hoặc kéo dài tối đa đến 6 năm dựa trên khả năng và điều kiện học tập của họ</i>)
9.	Số tín chỉ	136 (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)
10.	Khoa quản lý	Khoa Lý luận chính trị - Giáo dục công dân, trường ĐHSP Hà Nội
11.	Website	http://fpe.hnue.edu.vn/

1.3. Mục tiêu chương trình đào tạo

1.3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Giáo dục công dân có phẩm chất và năng lực dạy học, nghiên cứu, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế và pháp luật tại các cơ sở giáo dục, trung tâm nghiên cứu, các tổ chức chính trị - xã hội; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể

Về phẩm chất

Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục công dân, sinh viên có các phẩm chất cơ bản của người giáo viên trong thời đại mới: hiểu rõ quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời.

Về năng lực

Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục công dân, sinh viên có những năng lực sau:

- Có năng lực dạy học và nghiên cứu chuyên ngành Giáo dục công dân.
- Có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực Giáo dục công dân.
- Có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế.
- Có kĩ năng nghiệp vụ sư phạm; kĩ năng mềm; có ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.

1.4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn		Tiêu chí	Chỉ báo/ Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện	Mã CDR
Phẩm chất	Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất	Tiêu chí 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	<ul style="list-style-type: none"> – Yêu thiên nhiên; tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường. – Hiểu và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước. 	CDR 1

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo/ Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện	Mã CĐR
		<ul style="list-style-type: none"> – Yêu quê hương, yêu đất nước; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. 	
	Tiêu chí 2: Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	<ul style="list-style-type: none"> – Tôn trọng, thừa nhận và tin tưởng vào khả năng học tập và sự thay đổi tích cực của học sinh. – Yêu thương học sinh; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ học sinh trong học tập, rèn luyện và trong cuộc sống. – Cam kết nuôi dưỡng và phát huy tiềm năng của từng học sinh; tư vấn, hỗ trợ học sinh quyết định hướng đi của cuộc đời mình. 	CĐR 2
	Tiêu chí 3: Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận thức được ba giá trị cốt lõi làm nền tảng cho hệ giá trị nghề dạy học trong thời đại hiện nay là: giá trị liên quan đến người học; ý nghĩa tác động sư phạm của giáo dục; trách nhiệm giáo dục mà xã hội giao phó. – Yêu nghề, tận tâm với nghề. – Tạo dựng được niềm tin và tự hào về nghề dạy học. 	CĐR 3
	Tiêu chí 4: Trung thực và đáng tin cậy	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận thức và hành động theo lẽ phải; sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải. – Trung thực trong học tập và trong cuộc sống; đấu tranh với các hành vi gian lận, vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật. – Chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ bạn bè trong học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động 	CĐR 4

Tiêu chuẩn		Tiêu chí	Chỉ báo/ Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện	Mã CDR
			vì cộng đồng.	
		Tiêu chí 5: Trách nhiệm và tận tâm	<ul style="list-style-type: none"> – Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội. – Có ý thức tự đánh giá để xây dựng kế hoạch cá nhân. – Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt khó trong học tập. – Tôn trọng, thừa nhận sự khác biệt giữa mọi người về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân. – Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. 	CDR 5
		Tiêu chí 6: Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	<ul style="list-style-type: none"> – Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự nghiên cứu suốt đời đối với người giáo viên. Qua đó, có ý thức trở thành người <i>biết suy nghĩ, phải suy nghĩ và được quyền suy nghĩ</i>. – Coi trọng việc tìm kiếm, lựa chọn những tri thức cần thiết để tự học, tự nghiên cứu suốt đời để phục vụ cho cuộc sống hiện tại và tương lai của chính người học. – Nỗ lực tìm kiếm các phương pháp tự học, tự nghiên cứu phù hợp để đạt được mục đích. 	CDR 6
Năng lực	Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung	Tiêu chí 1: Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	<ul style="list-style-type: none"> – Tạo dựng được lối sống tự lực; khẳng định và bảo vệ được quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật. – Tự điều chỉnh được xúc cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng. – Điều chỉnh được hiểu biết, thái độ, kỹ năng, 	CDR 7

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo/ Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện	Mã CDR
		<p>kinh nghiệm của cá nhân để thích ứng với các yếu tố mới, hoạt động mới, môi trường sống mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới cũng như thích ứng được với các mối quan hệ xã hội. – Hình thành và sử dụng được hệ thống kỹ năng (cơ bản và kỹ năng mềm) trong ứng xử với sự đa dạng và thay đổi. 	
	<p>Tiêu chí 2: Năng lực giao tiếp và hợp tác</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Sử dụng được tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hằng ngày và trong hoạt động chuyên môn. – Xác định được mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện và thái độ giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội. – Thực hiện được các yêu cầu của giao tiếp sư phạm với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh, cán bộ quản lí các cấp và cộng đồng. – Thực hiện được các yêu cầu, nhiệm vụ hợp tác trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống. – Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong học tập và hoạt động nghề nghiệp. – Thực hiện được hoạt động nhóm hiệu quả. – Thể hiện được sự tôn trọng những khác biệt, đa dạng của cá nhân và nhóm trong giao tiếp. – Có những hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. 	CDR 8
	<p>Tiêu chí 3:</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Ý thức được sự lãnh đạo là phục vụ xã hội 	CDR 9

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo/ Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện	Mã CDR
	Năng lực lãnh đạo	<p>một cách chính đáng và chuyên nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác. – Xác định được nhu cầu và khả năng của người khác để thu hút, thuyết phục, dẫn dắt và tổ chức trong công việc. 	
	Tiêu chí 4: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> – Đưa ra được ý tưởng mới. – Xác định được tình huống có vấn đề; phát hiện và làm rõ vấn đề; thu thập, sắp xếp, giải thích và đánh giá được độ tin cậy của thông tin; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác. – Hình thành và triển khai được ý tưởng mới. – Đề xuất, lựa chọn được giải pháp; thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề. – Thiết kế và tổ chức được hoạt động; thực hiện và trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề. – Đánh giá được giải pháp đã thực hiện; phản ánh được giá trị của giải pháp; khái quát hoá được cho vấn đề tương tự. 	CDR 10
	Tiêu chí 5: Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	<ul style="list-style-type: none"> – Có hiểu biết cơ bản về nền văn hoá dân tộc và những vấn đề kinh tế – xã hội quan trọng của đất nước. – Phát triển được văn hoá cá nhân để tạo dựng đời sống tinh thần phong phú và lối sống có văn hoá phù hợp với chuẩn mực xã hội, phù hợp với môi trường nhà trường. – Thiết kế và tổ chức được các hoạt động xây dựng môi trường văn hoá nhà trường để hỗ trợ, thúc đẩy học tập. 	CDR 11

Tiêu chuẩn		Tiêu chí	Chỉ báo/ Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện	Mã CDR
		Tiêu chí 6: Năng lực phản biện	<ul style="list-style-type: none"> – Có tư duy độc lập. – Phân tích và đánh giá được thông tin đã có theo cách nhìn khác nhau nhằm làm sáng tỏ và khẳng định được tính chính xác của thông tin. – Lập luận phản bác có cơ sở khoa học đối với kết quả của một quá trình tư duy để xác định lại tính chính xác của kết luận. 	CDR 12
	Tiêu chuẩn 3: Năng lực sư phạm	Tiêu chí 1: Năng lực dạy học	<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa. – Lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn phù hợp, hiệu quả. – Xây dựng và thực hiện được các chủ đề (hay bài soạn) dạy học tích hợp, dạy học phân hoá. – Xây dựng được kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục. – Tổ chức được các hoạt động học tập của học sinh; vận dụng được các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phát triển năng lực tự học của học sinh. – Tổ chức và quản lí được lớp học, tạo dựng được môi trường học tập hiệu quả trong giờ học. – Hỗ trợ được những học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập. – Đánh giá được sự tiến bộ và kết quả học tập 	CDR 13

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo/ Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện	Mã CĐR
		<p>của học sinh; góp phần hoàn thiện những công dân có trình độ văn hoá và khả năng sáng tạo cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xây dựng, quản lí và khai thác được hồ sơ dạy học. 	
	<p>Tiêu chí 2: Năng lực giáo dục</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện được nhiệm vụ giáo dục đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ, thể chất thông qua việc giảng dạy môn học và tích hợp được các nội dung giáo dục trong các hoạt động chính khoá và ngoại khoá theo kế hoạch đã xây dựng. – Xây dựng và tổ chức được những hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. – Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức giáo dục học sinh vào tình huống sư phạm cụ thể, phù hợp đối tượng và môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra. – Xử lí được các tình huống giáo dục, đặc biệt là những hành vi không mong đợi của học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục. – Có khả năng phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. – Có khả năng tư vấn, tham vấn cho học sinh. – Thực hiện được nhiệm vụ giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng như: lao động công 	<p>CĐR 14</p>

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo/ Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện	Mã CĐR
		<p>ích, hoạt động xã hội... theo kế hoạch đã xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được kết quả rèn luyện của học sinh một cách chính xác, khách quan, công bằng và có tác dụng thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của học sinh. – Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp. 	
	Tiêu chí 3: Năng lực định hướng sự phát triển học sinh	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận diện được đặc điểm cá nhân và điều kiện, hoàn cảnh sống (về văn hoá, xã hội) của học sinh; dự báo được xu hướng phát triển của học sinh. – Hỗ trợ được học sinh xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân; theo dõi và có giải pháp giúp học sinh thực hiện những kế hoạch đó. – Hỗ trợ được học sinh tự đánh giá và điều chỉnh. 	CĐR 15
	Tiêu chí 4: Năng lực hoạt động xã hội	<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia, tổ chức và thực hiện được các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học và giáo dục học sinh. – Thực hiện được những hoạt động phát triển văn hoá– xã hội nói chung và ở địa phương nơi nhà trường cư trú nói riêng. – Vận động được người khác tham gia các hoạt động của cộng đồng; của các tổ chức chính trị xã hội trong nhà trường và ở địa phương (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, các hiệp hội khoa học, nghề nghiệp...). 	CĐR 16
	Tiêu chí 5: Năng lực	<ul style="list-style-type: none"> – Lập và triển khai được mục tiêu, kế hoạch chi tiết, cụ thể của cá nhân trong hoạt động học 	CĐR 17

Tiêu chuẩn		Tiêu chí	Chỉ báo/ Những thể hiện/ biểu hiện về năng lực thực hiện	Mã CDR
		phát triển nghề nghiệp	<p>tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp, kỹ thuật phù hợp trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp. – Tìm kiếm, tổng hợp và khai thác được các nguồn tài nguyên đa dạng (sách, báo, các phương tiện thông tin) phục vụ cho hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp. – Tự đánh giá và điều chỉnh được bản thân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp. 	
Tiêu chuẩn 4: Năng lực khoa học ngành Giáo dục công dân	Tiêu chí 1: Năng lực Giáo dục công dân	<p>Gồm 5 chỉ báo:</p> <p>4.1.1. Vận dụng được các thành tố của năng lực Giáo dục đạo đức.</p> <p>4.1.2. Vận dụng được các thành tố của năng lực Giáo dục kỹ năng sống.</p> <p>4.1.3. Vận dụng được các thành tố của năng lực về Giáo dục kinh tế.</p> <p>4.1.4. Vận dụng được các thành tố của năng lực Giáo dục pháp luật.</p> <p>4.1.5. Vận dụng được các thành tố của năng lực giáo dục chính trị trong giáo dục công dân.</p>	CDR 18	
	Tiêu chí 2: Năng lực giải thích Chương trình môn Giáo dục công dân trong	<p>Gồm 3 chỉ báo:</p> <p>4.2.1. Mô tả được Chương trình môn Giáo dục công dân trong tương quan với Chương trình giáo dục phổ thông.</p> <p>4.2.2. Xác định đúng vị trí, vai trò của từng mạch kiến thức cốt lõi trong chương trình môn Giáo dục công dân.</p> <p>4.2.3. Giải thích được nội dung của từng mạch</p>	CDR 19	

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo/ Những thể hiện/ biểu hiện về năng lực thực hiện	Mã CĐR
	Chương trình giáo dục phổ thông	kiến thức cốt lõi trong chương trình môn Giáo dục công dân.	
	Tiêu chí 3: Năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và học vấn giáo dục công dân vào thực tiễn	<p>Gồm 4 chỉ báo:</p> <p>4.3.1. Trình bày được vai trò của giáo dục công dân trong thời đại toàn cầu hoá và kỉ nguyên chuyển đổi số.</p> <p>4.3.2. Giải thích được các khái niệm của khoa học giáo dục công dân, các hiện tượng trong thực tiễn đời sống của con người gắn với hoạt động giáo dục công dân.</p> <p>4.3.3. Vận dụng được kiến thức giáo dục công dân để giải quyết các vấn đề thực tiễn.</p> <p>4.3.4. Vận dụng được học vấn giáo dục tổng quát và học vấn giáo dục công dân vào việc hình thành và phát triển năng lực sự phạm nói chung và năng lực dạy học Giáo dục công dân nói riêng.</p>	CĐR 20
	Tiêu chí 4: Năng lực nghiên cứu khoa học Giáo dục công dân	<p>Gồm 2 chỉ báo:</p> <p>4.4.1. Hình thành được nền tảng học vấn giáo dục công dân vững chắc ở trình độ đại học.</p> <p>4.4.2. Xây dựng và thực hiện được đề cương nghiên cứu khoa học Giáo dục công dân dưới sự hướng dẫn của giảng viên.</p>	CĐR 21
	Tiêu chí 5: Năng lực sử dụng ngoại ngữ	<p>Gồm 2 chỉ báo:</p> <p>4.5.1. Sử dụng được các tài liệu bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung) nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả học tập,</p>	CĐR 22

Tiêu chuẩn		Tiêu chí	Chỉ báo/ Những thể hiện/biểu hiện về năng lực thực hiện	Mã CĐR
		trong hoạt động chuyên môn	<p> nghiên cứu và dạy học Giáo dục công dân.</p> <p>4.5.2. Sử dụng được ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Trung,...) để khai thác, tra cứu, sử dụng và quản lí được các nguồn tài nguyên thông tin về Giáo dục công dân.</p>	
		Tiêu chí 6: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	<p>Gồm 3 chỉ báo:</p> <p>4.6.1. Sử dụng được máy tính và các phần mềm thông dụng trong học tập, nghiên cứu và dạy học môn Giáo dục công dân.</p> <p>4.6.2. Khai thác, sử dụng và quản lí được các nguồn tài nguyên thông tin về khoa học Giáo dục công dân.</p> <p>4.6.3. Sử dụng được công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động giáo dục và dạy học Giáo dục công dân.</p>	CĐR 23

1.5 Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

1.5.1. Cơ hội việc làm

- Là giáo viên giảng dạy môn GDCD ở trường THCS; Giáo viên dạy môn GDCD, Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT;
- Là chuyên viên phụ trách môn GDCD tại các phòng GDĐT, sở GDĐT;
- Là cán bộ trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội khác, đồng thời có khả năng thích ứng, thực hiện nhiều công việc khác nhau có đòi hỏi chung về tri thức và kĩ năng giáo dục công dân.

1.5.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ

Có thể học tiếp ở các bậc học cao hơn trong cùng lĩnh vực khoa học; có đủ khả năng tiếp tục phát triển chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ chuyên ngành khoa học giáo dục như: Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị.

1.6 Tiêu chí tuyển sinh

Hình thức tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cụ thể như sau:

Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

Phương thức tuyển sinh: 3 phương thức:

+ 1. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia.

+ 2. XTT1, XTT2, XTT3 IELTS \geq 6.0;

TOEFL IBT \geq 61; TOEIC \geq 600;

DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300; MOS \geq 950;

+ 3. Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức (PT 5).

- *Điều kiện xét tuyển:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm tất cả các học kỳ ở bậc THPT đạt loại khá trở lên.

- *Nguyên tắc xét tuyển:* Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là tổng điểm xét tuyển theo mức điểm sàn Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (*đã cộng điểm ưu tiên đối tượng và điểm ưu tiên khu vực nếu có*).

Chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển

- Tổng chỉ tiêu: 163

- Các tổ hợp xét tuyển: 02

STT	Tổ hợp	Mã	Số lượng chỉ tiêu
1	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD (C19)	7140204B	80
2	Ngữ văn, Địa lí, GDCD (C20)	7140204C	83

Học phí: Sinh viên theo học không phải đóng học phí

Hình thức, thời gian đăng ký xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.7 Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh bản mô tả CTĐT: Năm 2022

2. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT		Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)
1	Khối học văn chung	35	~26
2	Khối học văn ngành Giáo dục công dân	66	~48
3	Khối học văn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm (trong đó TTSP: 7 tín chỉ)	35	~26
Tổng cộng:		136	100

2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên môn học	Mã môn	Học kì	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ		Học phần tiên quyết
					Số tiết trên lớp		
					LT	TH	

								dẫn)	
I	Khối học vấn chung			35					
I.1	Khối học vấn chung của Trường			25					
I.1.1	Bắt buộc			23					
1	Triết học Mác – Lênin	PHIS 105	1	3					
2	Kinh tế chính trị học Mác – Lênin	POLI 104	2	2					
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI 106	3	2					
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI 202	4	2					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI 204	5	2					
6	Ngoại ngữ 1	ENGL 103 CHIN 105 FREN 104 RUSS 105	1	3					
7	Ngoại ngữ 2	ENGL 105 CHIN 106 FREN 106 RUSS 106	2	3					
8	Tâm lý giáo dục	PSYC 101	1	4					
9	Thống kê xã hội học	MATH 137	2	2					
10	Giáo dục thể chất	PHYE 150 PHYE 151 PHYE 250 PHYE 251		4					
11	Giáo dục quốc phòng và an ninh	DEFE 105 DEFE 106 DEFE 205 DEFE 206				165			
I.1.2	Tự chọn			2/6					
12.1	Tiếng Việt thực hành	COMM 106	1	2					
12.2	Tin học đại cương	COMP 103	1	2					
12.3	Nghệ thuật học đại	COMM 107	1	2					

	cương							
I.2	Khối học văn chung của nhóm ngành			10				
13	Xã hội học đại cương	COMM 109	1	2				
14	Cơ sở văn hoá Việt Nam	COMM 105	2	2				
15	Nhập môn Khoa học Xã hội và Nhân văn	COMM 103	2	2				
16	Nhân học đại cương	COMM 108	2	2				
17	Lịch sử văn minh thế giới	COMM 110	3	2				
II	Khối học văn nghiệp vụ sư phạm và phương pháp dạy học			35				
18	Giáo dục học	PSYC 102	3	3				PSYC 101
19	Lí luận dạy học	COMM 201	3	2				PSYC 101
20.1	Lí luận và phương pháp dạy học Giáo dục công dân	POLI 2110	4	4				COMM 201
20.2	Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Giáo dục công dân	POLI 2111	4	4				POLI 2110
21	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	COMM 001	4	3				
22	Xây dựng kế hoạch dạy học Giáo dục công dân	POLI 3108	5	3				POLI 2111
23.1	Giao tiếp sư phạm	PSYC 104	5	2				PSYC 102
23.2	Phát triển mối quan hệ trong nhà trường	PSYC 104B	5	2				PSYC 102
24	Thực hành kỹ năng giáo	COMM 301	5	2				PSYC 102

	dục							
25	Tổ chức dạy học Giáo dục công dân	POLI 3109	6	3				POLI 3108
26	Đánh giá trong giáo dục	COMM 003	6	2				PSYC 102, COMM 201
27.1	Phát triển chương trình nhà trường	COMM 004	6	2				PSYC 102
27.2	Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường	COMM 004B	6	2				PSYC 102
28.1	Thực hành tại trường sư phạm	POLI 4108	7	3				POLI 3109
28.2	Trải nghiệm hoạt động dạy học	POLI 4109	7	3				POLI 3109
29	Thực tập sư phạm 1	POLI 4110	8	3				POLI 4108
30	Thực tập sư phạm 2	POLI 4111	8	3				COMM 013
III	Khối học văn của ngành			66				
III.1	Khối học văn chung của ngành			19				
III.1.1	Bắt buộc			13				
31	Pháp luật học đại cương	POLI 1101	1	2				
32	Logic học	POLI 222	1	2				
33	Kinh tế học đại cương	POLI 2101	3	3				
34	Chính trị học đại cương	POLI 2102	4	3				
35	Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông	POLI 2103	4	3				
III.1.2	Tự chọn			6/12				

36.1	Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam	POLI 1102	2	3				POLI 2101
36.2	Mĩ học và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông	POLI 1103	2	3				
36.3	Văn hoá tổ chức	POLI 1104	2	3				COMM 105
36.4	Chuyên đề tôn giáo và dân tộc	POLI 1105	2	3				
III.2	Khối học vấn chuyên ngành			28				
III.2.1	Bắt buộc			22				
37	Giáo dục pháp luật 1	POLI 2104	3	3				
38	Giáo dục kinh tế 1	POLI 2105	4	3				
39	Giáo dục pháp luật 2	POLI 2106	4	3				
40	Giáo dục kinh tế 2	POLI 3101	5	3				
41	Giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông	POLI 3102	5	3				
42	Chuyên đề Giáo dục pháp luật – Pháp luật về quyền con người và quyền trẻ em – Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật	POLI 3103/ POLI 3104	5	3				
43	Chuyên đề Giáo dục kinh tế – Văn hoá kinh doanh – Hành vi người tiêu dùng	POLI 3105/ POLI 3106	6	4				
III.2.2	Tự chọn			6/9				
44.1	Chuyên đề Bình đẳng giới và Giáo dục gia đình	POLI 2107	3	3				

44.2	Dur luận xã hội và truyền thông đại chúng	POLI 2108	3	3				
44.3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	POLI 2209	3	3				
III.3	Khối học vấn bổ trợ của chuyên ngành			19				
III.3.1	Bắt buộc			13				
45	Dạy học tích hợp trong môn Giáo dục công dân	POLI 3107	6	3				COMM 201
46	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông	POLI 4101	7	3				
47	Giáo dục dân số và môi trường	POLI 4102	7	3				POLI 104
48	Tự chọn		7	3/6				
48.1	– Kỹ năng mềm	POLI 4103		3				COMM 106
48.2	– Hoạt động trải nghiệm trong môn Giáo dục công dân	POLI 4104		3				POLI 2110
49	Thực tế chuyên môn	POLI 4112	7	1				
III.3.2	Khoá luận hoặc Tự chọn 2/3 học phần		7 hoặc 8	6/9				
50.1	Những vấn đề của thời đại ngày nay	POLI 4105	8	3				
50.2	Công tác đoàn đội ở trường phổ thông	POLI 4106	8	3				
50.3	Quan hệ chính trị quốc tế	POLI 4107	8	3				
	Tổng cộng:			136				

2.3. Tiến trình đào tạo (theo học kỳ)

Học kì	TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kì 1	1	Triết học Mác – Lênin	3	Môn chung
	2	Ngoại ngữ 1	3	Môn chung
	3	Tâm lí giáo dục	4	Môn chung
	4	Xã hội học đại cương	2	Môn chung
	5	Thể chất		Môn chung
	6	Tự chọn	2/6	Môn chung
	6.1	Tiếng Việt thực hành	2	
	6.2	Tin học đại cương	2	
	6.3	Nghệ thuật học đại cương	2	
	7	Pháp luật học	3	Môn chuyên ngành
	8	Logic học	2	Môn chuyên ngành
		Tổng cộng:		19
Học kì 2	9	Kinh tế chính trị	2	Môn chung
	10	Ngoại ngữ 2	3	Môn chung
	11	Nhập môn khoa học Xã hội và Nhân văn	2	Môn chung
	12	Nhân học đại cương	2	Môn chung
	13	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	Môn chung
	14	Thống kê xã hội học	2	Môn chung
	15	Thể chất		
	16	Tự chọn	6/12	Môn chuyên ngành
	16.1	Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam	3	Môn chuyên ngành
	16.2	Mĩ học và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông	3	Môn chuyên ngành
	16.3	Văn hoá nhà trường	3	Môn chuyên ngành
	16.4	Chuyên đề tôn giáo và dân tộc	3	Môn chuyên

				ngành	
		Tổng cộng:	19		
Học kì 3	17	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Môn chung	
	18	Lịch sử văn minh thế giới	2	Môn chung	
	19	Giáo dục học	2	Môn chung	
	20	Lí luận dạy học	2	Môn chung	
	21	Kinh tế học đại cương	3	Môn chuyên ngành	
	22	Giáo dục pháp luật 1	3	Môn chuyên ngành	
	23	Tự chọn	6/9	Môn chuyên ngành	
	23.1	Chuyên đề Bình đẳng giới và Giáo dục gia đình	3		
	23.2	Dur luận xã hội và truyền thông đại chúng	3		
	23.3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3		
			Tổng cộng:	20	
Học kì 4	24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Môn chung	
	25	Tự chọn	4/8	Môn chuyên ngành	
	25.1	Lí luận và phương pháp dạy học Giáo dục công dân	4		
	25.2	Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Giáo dục công dân	4		
	26	Giáo dục kinh tế 1	3	Môn chuyên ngành	
	27	Giáo dục pháp luật 2	3	Môn chuyên ngành	
	28	Chính trị học đại cương	3	Môn chuyên ngành	
	29	Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông	3	Môn chuyên ngành	
			Tổng cộng:	20	
	Học kì 5	30	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Môn chung
31		Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	3	Môn chung	

	32	Tự chọn	2/4	Môn chung
	32.1	Giao tiếp sư phạm	2	
	32.2	Phát triển mối quan hệ trong nhà trường	2	
	33	Thực hành kỹ năng giáo dục	2	Môn chung
	34	Giáo dục kinh tế 2	3	Môn chuyên ngành
	35	Giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông	3	Môn chuyên ngành
	36	Xây dựng kế hoạch dạy học Giáo dục công dân	3	Môn chuyên ngành
		Tổng cộng:	18	
Học kì 6	37	Đánh giá trong giáo dục	2	Môn chung
	38	Tự chọn	2/4	Môn chung
	38.1	Phát triển chương trình nhà trường	2	
	38.2	Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường	2	
	39	Tổ chức dạy học Giáo dục công dân	3	Môn chuyên ngành
	40	Chuyên đề Giáo dục kinh tế	3	Môn chuyên ngành
	41	Chuyên đề Giáo dục pháp luật	3	Môn chuyên ngành
	42	Dạy học tích hợp trong môn Giáo dục công dân	3	Môn chuyên ngành
		Tổng cộng:	16	
Học kì 7	45	Tự chọn	3/6	Môn chung
	45.1	Thực hành tại trường sư phạm	3	
	45.2	Trải nghiệm hoạt động dạy học	3	
	46	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông	2	Môn chuyên ngành
	47	Giáo dục dân số và môi trường	3	Môn chuyên ngành
	48	Tự chọn	3	Môn chuyên ngành

	49	Thực tế chuyên môn	1	Môn chuyên ngành
		Tổng cộng:	12	
Học kỳ 8	50	Thực tập sư phạm 1	3	
	51	Thực tập sư phạm 2	3	
	52	Khoá luận hoặc Tự chọn	6/9	Môn chuyên ngành
	52.1	Kĩ năng mềm	3	
	52.2	Những vấn đề của thời đại	3	
	52.3	Công tác đoàn đội ở trường phổ thông	3	
		Tổng cộng:	12	
	Tổng cộng:	136		

2.4. Mô tả tóm tắt các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Học phần và mô tả tóm tắt các học phần	Mã môn	Số tín chỉ
I	Khối học vấn chung		35
I.1	Khối học vấn chung của Trường		25
I.1.1	Bắt buộc		23
1	Triết học Mác – Lênin Học phần <i>Triết học Mác – Lênin</i> thực hiện theo đề cương học phần kèm theo quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	PHIS 105	3
2	Kinh tế chính trị học Mác – Lênin Thực hiện theo đề cương học phần kèm theo quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	POLI 104	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Thực hiện theo đề cương học phần kèm theo quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo	POLI 106	2

	dục và Đào tạo.		
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh Thực hiện theo đề cương học phần kèm theo quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	POLI 202	2
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Thực hiện theo đề cương học phần kèm theo quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	POLI 204	2
6	Ngoại ngữ 1 Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	ENGL 103 CHIN 105 FREN 104 RUSS 105	3
7	Ngoại ngữ 2 Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	ENGL 105 CHIN 106 FREN 106 RUSS 106	3
8	Tâm lý giáo dục Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	PSYC 101	4
9	Thống kê xã hội học Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	MATH 137	2
10	Giáo dục thể chất Các học phần <i>Giáo dục thể chất</i> thực hiện theo Chương trình hiện hành do Nhà trường ban hành.	PHYE 150 PHYE 151 PHYE 250 PHYE 251	4
11	Giáo dục quốc phòng và an ninh Các học phần <i>Giáo dục quốc phòng và an ninh</i> thực hiện theo Chương trình hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo.	DEFE 105 DEFE 106 DEFE 205 DEFE 206	
I.1.2	Tự chọn		2/6
12.1	Tiếng Việt thực hành Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMM 106	2
12.2	Tin học đại cương Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMP 103	2
12.3	Nghệ thuật học đại cương	COMM 107	2

	Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội		
I.2	Khối học văn chung của nhóm ngành		10
13	Xã hội học đại cương Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMM 109	2
14	Cơ sở văn hoá Việt Nam Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMM 105	2
15	Nhập môn Khoa học Xã hội và Nhân văn Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMM 103	2
16	Nhân học đại cương Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMM 108	2
17	Lịch sử văn minh thế giới Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMM 110	2
II	Khối học văn nghiệp vụ sư phạm và phương pháp dạy học		35
18	Giáo dục học Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	PSYC 102	3
19	Lí luận dạy học Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMM 201	2
20.1	Lí luận và phương pháp dạy học Giáo dục công dân Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, nguyên tắc dạy học, phương pháp nghiên cứu Lí luận và phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân; mục tiêu và nội dung môn Giáo dục công dân; Các hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học môn Giáo dục công dân; Các phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Giáo dục công dân; các phương pháp đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân.	POLI 2110	4
20.2	Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Giáo dục công dân Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, nguyên tắc dạy học, phương pháp nghiên cứu Lí	POLI 2111	4

	luyện dạy học phát triển năng lực trong môn Giáo dục công dân ; mục tiêu và nội dung môn Giáo dục công dân; hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học môn Giáo dục công dân; phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Giáo dục công dân; các phương pháp đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân.		
21	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMM 001	3
22	Xây dựng kế hoạch dạy học Giáo dục công dân Học phần cung cấp các kiến thức về chương trình môn Giáo dục công dân ở các trường trung học ; Xây dựng kế hoạch dạy học môn Giáo dục công dân cho năm học ; Xây dựng kế hoạch dạy học theo chuyên đề trong môn Giáo dục công dân ; Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Giáo dục công dân.	POLI 3108	3
23.1	Giao tiếp sư phạm Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	PSYC 104	2
23.2	Phát triển mối quan hệ trong nhà trường Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	PSYC 104B	2
24	Thực hành kĩ năng giáo dục Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMM 301	2
25	Tổ chức dạy học Giáo dục công dân Học phần cung cấp các tri thức về mục đích, yêu cầu sư phạm và cách thức rèn luyện kĩ năng tổ chức lớp học; mục tiêu và cách thức tổ chức các hoạt động học tập đặc trưng của môn Giáo dục công dân trên lớp; mục tiêu và cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Giáo dục công dân; bài học Giáo dục công dân dựa trên quy trình nghiên cứu bài học.	POLI 3109	3
26	Đánh giá trong giáo dục Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMM 003	2

27.1	Phát triển chương trình nhà trường Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMM 004	2
27.2	Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường Theo quy định hiện hành của trường ĐHSP Hà Nội	COMM 004B	2
28.1	Thực hành tại trường sư phạm Học phần trang bị cho người học quy trình nghiên cứu bài học để dự giờ và phân tích giờ dạy (bao gồm cả giờ dạy minh họa và giờ dạy thực hành); mục tiêu bài học và thiết kế được các hoạt động học tập; Soạn hoàn chỉnh giáo án của môn học và thực hiện dạy học trên lớp theo giáo án đã soạn; Nhận xét, đánh giá giờ dạy theo hướng dẫn của giảng viên.	POLI 4108	3
28.2	Trải nghiệm hoạt động dạy học Học phần trang bị cho người học về quy trình nghiên cứu bài học để dự giờ và phân tích giờ dạy (bao gồm cả giờ dạy minh họa và giờ dạy thực hành); viết mục tiêu bài học và thiết kế được các hoạt động học tập; Soạn hoàn chỉnh giáo án của môn học và thực hiện được dạy học trên lớp theo giáo án đã soạn; nhận xét, đánh giá được giờ dạy theo hướng dẫn của giảng viên.	POLI 4109	3
29	Thực tập sư phạm 1 Học phần trang bị cho người kiến thức, kỹ năng thực hiện các nhiệm vụ cơ bản thuộc công tác dạy học môn học ở trường phổ thông; kiến thức, kỹ năng thực hiện các nhiệm vụ cơ bản thuộc công tác giáo dục học sinh ở trường phổ thông.	POLI 4110	3
30	Thực tập sư phạm 2 Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng bước đầu thực hiện được công việc dạy học môn học ở trường phổ thông ; kiến thức, kỹ năng bước đầu thực hiện được công việc giáo dục học sinh ở trường phổ thông.	POLI 4111	3

III	Khối học vấn của ngành		66
III.1	Khối học vấn chung của ngành		19
III.1.1	Bắt buộc		13
31	Pháp luật học đại cương Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật nói chung và Nhà nước, pháp luật Việt Nam nói riêng.	POLI 1101	2
32	Logic học Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng tổng quan về các khái niệm, phán đoán, suy luận, quy luật, quy tắc của tư duy. Góp phần hình thành kỹ năng ứng dụng của những tri thức về khái niệm, phán đoán, suy luận, quy luật trong hoạt động nhận thức của bản thân và vận dụng kiến thức, kỹ năng tư duy logic trong việc giảng dạy các kiến thức môn Giáo dục công dân.	POLI 222	2
33	Kinh tế học đại cương Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nền kinh tế thị trường, những nguyên lý chủ yếu của kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô. Vận dụng những vấn đề cơ bản về kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô trong học tập, giảng dạy, nghiên cứu và đời sống xã hội.	POLI 2101	3
34	Chính trị học đại cương Học phần giúp người học trình bày được các kiến thức cơ bản về chính trị như: đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị – xã hội, hệ thống chính trị, mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị, con người chính trị, văn hoá chính trị, động lực chính trị. Phân tích được các mối quan hệ chính trị cơ bản. Lí giải được tính cấp thiết của việc xây dựng hệ thống chính trị và các yếu tố khác trong chính trị. Đánh giá được những ưu và nhược điểm của các thành tố trong hệ thống chính trị nói riêng và các lát cắt khác trong nền chính trị nói chung. Vận	POLI 2102	3

	dụng được các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề liên quan đến chính trị nảy sinh trong thực tiễn đời sống.		
35	Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông Học phần giúp người học trình bày được những kiến thức căn bản về đạo đức và đạo đức học, bao gồm: khái niệm, nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức; các phạm trù cơ bản của đạo đức học Mác – Lênin; các giá trị đạo đức cần giáo dục cho thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Từ đó, giúp người học hình thành và rèn luyện các phẩm chất đạo đức nhà giáo và của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thực hành được những hành vi của bản thân phù hợp với các chuẩn mực đạo đức của xã hội. Có thái độ đúng đắn trong nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và mọi người xung quanh, tích cực bảo vệ các giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc và nhân loại.	POLI 2103	3
III.1.2	Tự chọn		6/12
36.1	Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức về hiến pháp nói chung, đặc biệt là hiến pháp Việt Nam; nội dung về định chế chính trị, điển hình là hệ thống chính trị và hoạt động của nó ở Việt Nam. Có kỹ năng nhận thức và hành động, ứng xử đúng trong mọi hành vi theo quy định của hiến pháp và pháp luật, đóng góp công sức mình vào việc xây dựng chế độ chính trị vững mạnh.	POLI 1102	3
36.2	Mĩ học và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng cơ bản về mỹ học và giáo dục thẩm mỹ. Nhận thức đúng những vấn đề cơ bản về giáo dục thẩm mỹ trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.	POLI 1103	3
36.3	Văn hoá tổ chức Học phần này nhằm trang bị cho người học những vấn đề	POLI 1104	3

	chung về văn hoá và văn hoá tổ chức. Trình bày được những vấn đề về xây dựng văn hoá tổ chức và phân tích được vai trò của người lãnh đạo trong việc xây dựng văn hoá tổ chức. Trình bày được những vấn đề cơ bản về nhà trường và văn hoá nhà trường. Thực hành được cách phát triển văn hoá nhà trường trong một số tình huống cụ thể.		
36.4	Chuyên đề tôn giáo và dân tộc Học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tôn giáo, dân tộc và giải quyết vấn đề tôn giáo, dân tộc trên lập trường quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chính sách tôn giáo, dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vận dụng được những kiến thức môn học vào việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng và dân tộc.	POLI 1105	3
III.2	Khối học vấn chuyên ngành		28
III.2.1	Bắt buộc		22
37	Giáo dục pháp luật 1 Học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính, hình sự, dân sự. Vận dụng được kiến thức đã học gắn với các ngành luật trong hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	POLI 2104	3
38	Giáo dục kinh tế 1 Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về vị trí, vai trò, đặc thù và nội dung của giáo dục kinh tế cho học sinh phổ thông. Vận dụng những vấn đề cơ bản đó trong học tập, giảng dạy, nghiên cứu và đời sống xã hội.	POLI 2105	3
39	Giáo dục pháp luật 2 Học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngành luật thương mại, an sinh xã hội, hôn nhân gia đình. Vận dụng được kiến thức đã học gắn với các	POLI 2106	3

	ngành luật trong hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.		
40	<p>Giáo dục kinh tế 2</p> <p>Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về vị trí, vai trò, đặc thù và nội dung của giáo dục kinh tế cho học sinh phổ thông. Vận dụng những vấn đề cơ bản đó trong học tập, giảng dạy, nghiên cứu và đời sống xã hội</p>	POLI 3101	3
41	<p>Giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông</p> <p>Học phần giúp người học nêu và phân tích được bản chất, nội dung và nguyên tắc cốt lõi của các giá trị sống. Trình bày được nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường phổ thông. Thiết kế và thực hiện được các kế hoạch và thực hành giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông. Bước đầu hình thành các kỹ năng giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông: kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục giá trị kỹ năng tư vấn, tham vấn.</p>	POLI 3102	3
42	<p>Chuyên đề Giáo dục pháp luật</p> <p>– Pháp luật về quyền con người và quyền trẻ em</p> <p>Học phần cung cấp cho người học tri thức cơ bản về quyền con người, một số phạm trù có liên quan quan đến quyền con người và quyền trẻ em. Giải thích được kiến thức đã học gắn với quyền con người, quyền trẻ em trong hệ thống pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. Có thái độ và hành vi phù hợp với các quy định của pháp luật về hành vi vi phạm trong việc bảo vệ quyền trẻ em; các biện pháp xử lý đối với các hành vi vi phạm quyền trẻ em.</p> <p>– Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật</p> <p>Học phần cung cấp cho người học về vai trò, sự cần thiết của việc tuyên truyền và phổ biến pháp luật. Xây dựng được kế hoạch tuyên truyền và phổ biến pháp luật cho học sinh. Tổ chức triển khai tuyên truyền và phổ biến pháp luật cho</p>	POLI 3103/ POLI 3104	3

	học sinh. Kiểm tra, đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả tuyên truyền và phổ biến pháp luật.		
43	<p>Chuyên đề Giáo dục kinh tế</p> <p>– Văn hoá kinh doanh</p> <p>Học phần giúp người học trình bày và phân tích được những vấn đề về văn hoá kinh doanh như: chức năng, vai trò của văn hoá kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hoá kinh doanh, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành văn hoá kinh doanh,...Đánh giá được các giá trị văn hoá đặc thù trong kinh doanh, xây dựng và thực hiện được kế hoạch giáo dục văn hoá kinh doanh cho học sinh. Có trách nhiệm, tích cực cập nhật, phát triển và vận dụng kiến thức về văn hoá kinh doanh một cách sáng tạo và linh hoạt trong công việc.</p> <p>– Hành vi người tiêu dùng</p> <p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để phân tích hành vi người tiêu dùng trên hai phương diện: với tư cách là nhà sản xuất và với tư cách là người tiêu dùng. Vận dụng, liên hệ những kiến thức đã học phân tích hành vi người tiêu dùng để có thể ra quyết định sản xuất cũng như quảng bá sản phẩm đồng thời cũng có những kỹ năng trong mua sắm tiêu dùng để bảo vệ quyền lợi của mình.</p>	<p>POLI 3105</p> <p>POLI 3106</p>	4
III.2.2	Tự chọn		6/9
44.1	<p>Chuyên đề Bình đẳng giới và Giáo dục gia đình</p> <p>Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về bình đẳng giới và giáo dục gia đình và vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề liên quan đến bình đẳng giới và giáo dục gia đình nảy sinh trong thực tiễn đời sống.</p>	POLI 2107	3
44.2	Dur luận xã hội và truyền thông đại chúng	POLI 2108	3

	Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về dư luận xã hội, điều tra dư luận xã hội, truyền thông đại chúng và phương tiện truyền thông đại chúng. Nhận thức đúng những vấn đề cơ bản về Dư luận xã hội và truyền thông đại chúng. Có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng phân tích DLXH, kỹ năng phân tích và xây dựng thông điệp truyền thông, kế hoạch truyền thông.		
44.3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Nhận thức đúng những vấn đề cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Giúp người học có kỹ năng thu thập thông tin, xử lý và phân tích thông tin, viết báo cáo kết quả nghiên cứu.	POLI 2209	3
III.3	Khối học vấn bổ trợ của chuyên ngành		19
III.3.1	Bắt buộc		13
45	Dạy học tích hợp trong môn Giáo dục công dân Học phần giúp người học trình bày được những vấn đề lý luận chung về dạy học tích hợp. Phân tích được vị trí, vai trò, đặc điểm của dạy học tích hợp trong môn Giáo dục công dân; Trình bày được một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích hợp trong môn Giáo dục công dân. Thiết kế và tổ chức được các chủ đề dạy học tích hợp trong môn Giáo dục công dân.	POLI 3107	3
46	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông Học phần giúp người học trình bày và phân tích được những vấn đề cơ bản về KNS và giáo dục KNS cho học sinh phổ thông. Xây dựng và thực hiện được kế hoạch tổ chức chủ đề/hoạt động giáo dục KNS cho học sinh phổ thông. Có trách nhiệm và tự tin thực hiện nhiệm vụ giáo dục KNS cho học sinh phổ thông.	POLI 4101	3

47	<p>Giáo dục dân số và môi trường</p> <p>Học phần giúp người học trình bày được các kiến thức cơ bản về dân số, môi trường, vai trò của dân số và môi trường với phát triển bền vững. Vận dụng được những kiến thức dân số, môi trường trong việc đánh giá, xem xét các vấn đề dân số, môi trường; mối quan hệ của dân số và môi trường với các vấn đề kinh tế – xã hội; thực hành tổ chức giáo dục dân số, môi trường trong nhà trường. Có thái độ đúng đắn đối với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân số, môi trường.</p>	POLI 4102	3
48	Tự chọn		3/6
48.1	<p>– Kỹ năng mềm</p> <p>Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm. Vận dụng được các kỹ năng đã học trong việc hình thành, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho bản thân và hoạt động giáo dục. Tự tin, chủ động sử dụng các kỹ năng mềm trong thực tiễn giáo dục và cuộc sống.</p>	POLI 4103	3
48.2	<p>– Hoạt động trải nghiệm trong môn Giáo dục công dân</p> <p>Học phần giúp người học trình bày được lý thuyết về học qua trải nghiệm. Phân tích được những vấn đề lý luận về hoạt động trải nghiệm trong môn Giáo dục công dân. Vận dụng được lý luận về hoạt động trải nghiệm vào thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm trong môn Giáo dục công dân.</p>	POLI 4104	3
49	<p>Thực tế chuyên môn</p> <p>Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.</p>	POLI 4112	1
III.3.2	Khoá luận hoặc Tự chọn 2/3 học phần		6/9
50.1	<p>Những vấn đề của thời đại ngày nay</p> <p>Học phần giúp người học trình bày được những nội dung cơ bản về những vấn đề cấp thiết của nhân loại hiện nay như:</p>	POLI 4105	3

	<p>bùng nổ dân số, ô nhiễm môi trường, chiến tranh và hoà bình, dịch bệnh, việc làm, thất nghiệp, đói nghèo,...Trình bày được mục tiêu, chương trình và phương hướng hành động chung của cộng đồng quốc tế trong quá trình giải quyết những vấn đề của thời đại. Trình bày được những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước với những phương hướng và giải pháp thiết thực nhằm giải quyết những vấn đề trên ở nước ta hiện nay. Vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn như bảo vệ môi trường; bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh; bảo tồn và phát huy di sản văn hoá; phòng chống dịch bệnh; giải quyết việc làm, chống thất nghiệp và đói nghèo,...Thể hiện được thái độ đứng đắn trước các hành vi liên quan đến vấn đề cấp thiết của nhân loại như hành vi phá hoại môi trường, phá hoại di sản, kích động chiến tranh, phá hoại nền hoà bình,...</p>		
50.2	<p>Công tác đoàn đội ở trường phổ thông</p> <p>Học phần trang bị kiến thức về bản chất, nội dung và nguyên tắc cốt lõi của các giá trị sống; nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường phổ thông. Giúp người học có thể thiết kế và thực hiện được các kế hoạch và thực hành giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông. Bước đầu hình thành các kỹ năng giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông: kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục giá trị kỹ năng tư vấn, tham vấn.</p>	POLI 4106	3
50.3	<p>Quan hệ chính trị quốc tế</p> <p>Học phần giúp người học trình bày được kiến thức cơ bản về quan hệ chính trị quốc tế như: khái niệm cơ bản, các chủ thể của quan hệ chính trị quốc tế, nhân tố tác động đến quan hệ chính trị quốc tế; tính quy luật của chính trị quốc tế;</p>	POLI 4107	3

	<p>quan hệ chính trị quốc tế trong và sau chiến tranh lạnh đến nay; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thực hiện quan hệ chính trị quốc tế thời kì đổi mới. Thực hành được những kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu quan hệ chính trị quốc tế như thu thập và xử lý thông tin chính trị, phản biện, phân tích sự kiện. Có thái độ đúng đắn trong nghiên cứu quan hệ chính trị quốc tế và tham gia xây dựng, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về đối ngoại.</p>		
	Tổng cộng:		136

2.5. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và CDR của chương trình đào tạo

2.5.1. Bảng ma trận đáp ứng giữa các học phần nghiệp vụ chuyên ngành và các học phần chuyên môn của ngành với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên môn học	Mã môn	Chuẩn đầu ra																							Tổng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
1.	Lí luận và phương pháp dạy học Giáo dục công dân	POLI 2110		2		3		3	3			3	2	3				2			3	3				10
2.	Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Giáo dục công dân	POLI 2111			2	3		3	3			3		3	2						3	3				9
3.	Xây dựng kế hoạch dạy học Giáo dục công dân	POLI 3108		2		3		3	3			3		3							3	3				8
4.	Thực hành tại trường sư phạm	POLI 4108	2			3	2.5	3	3	2.5		3		3							3	3				10
5.	Trải nghiệm hoạt động dạy học	POLI 4109			2	3		3	3		2	3		3		2	2				3	3				11
6.	Pháp luật học đại cương	POLI 1101	3		2			3	3			3					2	3	3	3	3			3		11
7.	Logic học	POLI	3	2				3	3			3				2	2	3	3	3	3			3		12

		222																							
8.	Kinh tế học đại cương	POLI 2101	3		2			3	3			3			2	2	3	3	3	3			3		12
9.	Chính trị học đại cương	POLI 2102	3				2.5	3	3		2	3			2			3	3	3	3			3	12
10.	Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông	POLI 2103	3	2				3	3			3			2	2	3	3	3	3			3	2.3	13
11.	Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam	POLI 1102	3		2		2.5	3	3			3						3	3	3	3			3	2.3 9
12.	Mĩ học và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông	POLI 1103	3			2.5		3	3			3			2			3	3	3	3			3	11
13.	Văn hoá tổ chức	POLI 1104	3					3	3			3						3	3	3	3			3	9
14.	Chuyên đề tôn giáo và dân tộc	POLI 1105	3					3	3		2	3						3	3	3	3	2.25		3	11
15.	Giáo dục pháp luật 1	POLI 2104	3	2				3	3		2	3		3				3		3	3		2	3	12
16.	Giáo dục kinh tế 1	POLI 2105	3		2		2.5	3	3			3		3				3		3	3		2	3	2 13
17.	Giáo dục pháp luật 2	POLI 2106	3	2				3	3		2	3		3				3		3	3		2	3	12
18.	Giáo dục kinh tế 2	POLI 3101	3		2		2.5	3	3			3		3				3		3	3		2	3	2 13
19.	Giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông	POLI 3102	3					3	3	2.5		3		3		2	2	3		3	3			3	12

20.	Pháp luật về quyền con người và quyền trẻ em	POLI 3103	3		2			3	3			3		3				3		3	3			3		9
21.	Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật	POLI 3104	3				2.5	3	3			3		3				3	2	3	3			3		11
22.	Văn hoá kinh doanh	POLI 3105	3					3	3		2	3		3		2		3		3	3	2.25		3	2.3	13
23.	Hành vi người tiêu dùng	POLI 3106	3					3	3		2	3		3		2		3		3	3	2.25		3	2.3	13
24.	Chuyên đề Bình đẳng giới và Giáo dục gia đình	POLI 2107	3		2			3	3			3		3	2			3		3	3			3		11
25.	Dự luận xã hội và truyền thông đại chúng	POLI 2108	3		2			3	3			3		3	2			3		3	3			3		11
26.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	POLI 2209	3		2			3	3			3		3	2			3		3	3			3		11
27.	Dạy học tích hợp trong môn Giáo dục công dân	POLI 3107	3	2				3	3		2	3		3				3		3	3			3		11
28.	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông	POLI 4101	3		2			3	3			3	2	3				3		3	3			3		11
29.	Giáo dục dân số và môi trường	POLI 4102	3					3	3			3		3				3	2	3	3		2	3		11
30.	– Kỹ năng mềm	POLI 4103	3					3	3			3		3				3		3	3	2.25		3	2.33	11
31.	– Hoạt động trải	POLI	3					3	3			3		3	2			3	2	3	3			3		11

	nghiệm trong môn Giáo dục công dân	4104																									
32.	Những vấn đề của thời đại ngày nay	POLI 4105	3					3	3			3	2	3				3		3	3			2	3		11
33.	Công tác đoàn đội ở trường phổ thông	POLI 4106	3					3	3		2	3		3	2			3		3	3			3		11	
34.	Quan hệ chính trị quốc tế	POLI 4107	3					3	3			3		3			2	3		3	3			2	3		11
35.	Khóa luận tốt nghiệp					3	3	3			3	3	3			3	3	3	3	3			3	3	3	3	15

Mức độ hỗ trợ, đóng góp của các học phần đối với chuẩn đầu ra CTĐT được xác định như sau:

Mức 1: Học phần có hỗ trợ đạt được CDR CTĐT ở mức độ giới thiệu, bắt đầu

Mức 2: Học phần hỗ trợ đạt được CDR CTĐT ở mức trung bình

Mức 3: Học phần hỗ trợ đạt được CDR CTĐT ở mức cao

2.5.2. Ma trận tích hợp phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần với chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo

a) Ma trận tích hợp phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo

STT	Mã hóa	Nhóm phương pháp dạy học	Mô tả chi tiết
1	TLM1	Thuyết trình	Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể.
2	TLM2	Vấn đáp, đàm thoại	Phương pháp vấn đáp là phương pháp hỏi đáp trong dạy học, trong đó giáo viên đặt ra câu hỏi, kích lệ và gợi mở để học sinh dựa vào kiến thức đã học mà trả lời nhằm rút ra những kiến thức mới hay củng cố hoặc kiểm tra. Ở phương pháp này học sinh không tiếp thu bài một cách thụ động, mà ở một mức độ tích cực sáng tạo nhất định tìm ra kiến thức mới. Khi trả lời câu hỏi, học sinh phải nhớ lại kiến thức đã có, sử dụng các thao tác logic: phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa để gia công tài liệu, tìm lời giải đáp đúng nhất
3	TLM3	Thảo luận nhóm	Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề đặc biệt là các vấn đề thực tế; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của vấn đề
4	TLM4	Nghiên cứu trường hợp	Phương pháp mà người học được cung cấp các bản mô tả các vấn đề về tổ chức, các tình huống diễn ra và mỗi người sẽ tự phân tích các tình huống, dự đoán vấn đề và trình bày các phương pháp giải quyết của mình sau đó thảo luận nhóm để tìm ra giải pháp tối ưu.

5	TLM5	Tình huống	Dạy học tình huống là một PPDH được tổ chức theo những tình huống có thực của cuộc sống, trong đó người học được kiến tạo tri thức qua việc giải quyết các vấn đề có tính xã hội của việc học tập
6	TLM6	Động não	Phương pháp giúp học sinh trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó.
7	TLM7	Luyện tập	Là phương pháp tổ chức cho học sinh vận dụng các quy tắc, công thức lý thuyết đã học để làm bài tập.
8	TLM8	Thực hành, trải nghiệm	Phương pháp khuyến khích người học khám phá, thử nghiệm trực tiếp với kiến thức, hình thành các khái niệm và đưa ra các phân tích, kết luận của bản thân về kiến thức ấy. Trong đó, giáo viên chỉ đóng vai trò là người định hướng, định hình nên hành vi tích cực cho người học.
9	TLM9	Dự án	Dự án là một hình thức dạy học, trong đó học sinh dưới sự hướng dẫn và giúp đỡ của giáo viên tự lực giải quyết một nhiệm vụ học tập mang tính phức hợp không chỉ về mặt lý thuyết mà đặc biệt về mặt thực hành, thông qua đó tạo ra các sản phẩm thực hành có thể giới thiệu, công bố được.
10	TLM10	Trò chơi	Thông qua việc tổ chức các trò chơi liên quan đến nội dung bài học, có tác dụng phát huy tính tích cực nhân thức, gây hứng thú học tập cho học sinh.
11	TLM11	Đóng vai	Phương pháp tổ chức cho học sinh thực hành để trình bày những suy nghĩ, cảm nhận và ứng xử theo một vai giả định. Từ đó giúp học sinh suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách đứng từ chỗ đứng, góc nhìn của người trong cuộc, tập trung vào một sự kiện cụ thể mà các em quan sát được từ vai của mình.
12	TLM12	Nêu vấn đề	GV đặt ra những tình huống có vấn đề, gợi ý tình huống có vấn đề cho SV, cho SV tự mình giải quyết vấn đề, thông qua đó nắm được kiến thức mới đi tới kiến thức đó, đồng thời phát triển năng lực tư duy, sáng tạo và hình thành thế giới quan khoa học.

Mã số phân loại phương pháp giảng dạy:

1. Thuyết trình/ Thuyết giảng
2. Vấn đáp/ Đàm thoại
3. Thảo luận nhóm
4. Nghiên cứu trường hợp
5. Tình huống
6. Động não
7. Luyện tập
8. Thực hành, trải nghiệm
9. Dự án
10. Trò chơi
11. Đóng vai
12. Nêu vấn đề

STT	Học phần	Phương pháp dạy học											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.	Lí luận và phương pháp dạy học Giáo dục công dân	x	x	x			x	x					x
2.	Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Giáo dục công dân	x	x	x				x	x				x
3.	Xây dựng kế hoạch dạy học Giáo dục công dân	x	x	x				x	x				x
4.	Giao tiếp sư phạm	x		x			x		x		x	x	
5.	Phát triển mối quan hệ trong nhà trường	x		x									
6.	Thực hành kỹ năng giáo dục	x	x	x					x				
7.	Rèn luyện NVSP thường xuyên			x					x				
8.	Tổ chức dạy học Giáo dục công dân	x	x	x	x	x		x	x				x
9.	Đánh giá trong giáo dục	x	x	x		x			x				
10.	Phát triển chương trình nhà trường												

		x		x									
11.	Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường												
		x	x	x					x				
12.	Thực hành tại trường sư phạm	x	x	x				x	x				x
13.	Trải nghiệm hoạt động dạy học	x	x	x				x	x				x
14.	Pháp luật học đại cương	x	x	x				x	x				x
15.	Logic học	x	x	x				x	x				x
16.	Kinh tế học đại cương	x	x	x				x	x	x			x
17.	Chính trị học đại cương	x	x	x				x	x				x
18.	Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông	x	x	x				x	x				x
19.	Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam	x	x	x				x	x				x
20.	Mĩ học và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông	x	x	x				x	x	x			x
21.	Văn hoá tổ chức	x	x	x				x	x				x
22.	Chuyên đề tôn giáo và dân tộc	x	x	x				x	x				x
23.	Giáo dục pháp luật 1	x	x	x				x	x				x
24.	Giáo dục kinh tế 1	x	x	x				x	x				x
25.	Giáo dục pháp luật 2	x	x	x				x	x				x
26.	Giáo dục kinh tế 2	x	x	x				x	x				x
27.	Giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông	x	x	x	x			x	x				x
28.	Pháp luật về quyền con người và quyền trẻ em	x	x	x				x	x				x
29.	Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật	x	x	x				x	x				x
30.	Văn hoá kinh doanh	x	x	x	x			x	x				x
31.	Hành vi người tiêu dùng	x	x	x				x	x				x
32.	Chuyên đề Bình đẳng giới và Giáo dục gia đình	x	x	x				x	x				x
33.	Dư luận xã hội và truyền thông đại chúng	x	x	x				x	x				x
34.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x	x	x				x	x				x
35.	Dạy học tích hợp trong môn Giáo dục công dân	x	x	x	x			x	x				x

36.	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông	x	x	x										x	x								x	x	
37.	Giáo dục dân số và môi trường	x	x	x										x	x										x
38.	– Kỹ năng mềm	x	x	x										x	x										x
39.	– Hoạt động trải nghiệm trong môn Giáo dục công dân	x	x	x										x	x										x
40.	Khoá luận hoặc Tự chọn 2/3 học phần																								
41.	Những vấn đề của thời đại ngày nay	x	x	x										x	x										x
42.	Công tác đoàn đội ở trường phổ thông	x	x	x										x	x										x
43.	Quan hệ chính trị quốc tế	x	x	x										x	x										x

Bảng 3: Ma trận tích hợp các phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra của CTĐT

TT	PPDH	CDR 1 – Phẩm chất						CDR 2 – Năng lực chung						CDR 3 – Năng lực sự phạm						CDR 4 – Năng lực khoa học ngành						
		TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC 6	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC 6	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC 6		
1	1	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	
2	2	X		X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X			X	X	
3	3			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X				
4	4		X	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X				X	X			
5	5		X	X	X	X	X	X				X	X	X	X	X	X	X	X		X			X	X	
6	6				X	X					X				X	X		X		X			X			
7	7	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	X				X	X			
8	8	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9	9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10	10				X	X			X						X		X	X							
11	11		X	X	X	X		X	X	X	X		X	X		X	X	X	X		X		X	X	
12	12	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

b) Ma trận tích hợp PP kiểm tra đánh giá, công cụ đánh giá với CDR của CTĐT

TT	Tên môn học	Mã môn	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ															
			Quá trình					Cuối kì										
			Thảo luận trên lớp 1	Trắc nghiệm 2	Thi viết 3	Bài tập 4	Thực hành	Bài tiểu luận	Trắc nghiệm	Thi viết	Câu hỏi đúng/sai	Câu hỏi ngắn	Bài tập/bài kiểm tra theo nhóm	Thực hành	Vấn đáp	Báo cáo	Tiểu luận	
I	Khối học vấn chung																	
I.1	Khối học vấn chung của Trường																	
1	Triết học Mác – Lênin	PHIS 105	Thực hiện theo đề cương học phần kèm theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.															
2	Kinh tế chính trị học Mác – Lênin	POLI 104																

3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI 106	Thực hiện theo đề cương học phần kèm theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI 202	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI 204	
5	Ngoại ngữ 1	ENGL 103 CHIN 105 FREN 104 RUSS 105	
6	Ngoại ngữ 2	ENGL 105 CHIN 106 FREN 106 RUSS 106	
7	Tâm lí giáo dục	PSYC 101	
8	Thống kê xã hội học	MATH 137	
I.1.2	Tự chọn		
9.1	Tiếng Việt thực hành	COMM 106	Thực hiện theo đề cương học phần kèm theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
9.2	Tin học đại cương	COMP 103	
9.3	Nghệ thuật học đại cương	COMM 107	
I.2	Khối học vấn chung của nhóm ngành		
10	Xã hội học	COMM	Thực hiện theo đề cương học phần kèm theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

	đại cương	109															
11	Cơ sở văn hoá Việt Nam	COMM 105															
12	Nhập môn Khoa học Xã hội và Nhân văn	COMM 103															
13	Nhân học đại cương	COMM 108															
14	Lịch sử văn minh thế giới	COMM 110															
II	Khối học văn nghiệp vụ sư phạm và phương pháp dạy học																
15	Giáo dục học	PSYC 102	Thực hiện theo đề cương học phần kèm theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.														
16	Lí luận dạy học	COMM 201				X				X							
17.1	Lí luận và phương pháp dạy học Giáo dục công dân	POLI 2110			X	X				X							
17.2	Lí luận dạy học phát triển năng	POLI 2111			X	X				X							

	lực môn Giáo dục công dân																
18	Xây dựng kế hoạch dạy học Giáo dục công dân	POLI 3108			X	X				X							
19.1	Giao tiếp su phạm	PSYC 104	Thực hiện theo đề cương học phần kèm theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.														
19.2	Phát triển mối quan hệ trong nhà trường	PSYC 104B															
20	Thực hành kĩ năng giáo dục	COMM 301															
21	Rèn luyện NVSP thường xuyên	COMM 001															
22	Tổ chức dạy học Giáo dục công dân	POLI 3109	X		X	X				X							
23	Đánh giá trong giáo dục	COMM 003	Thực hiện theo đề cương học phần kèm theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.														
24.1	Phát triển chương trình	COMM 004															

	nhà trường																
24.2	Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường	COMM 004B															
25.1	Thực hành tại trường sư phạm	POLI 4108	X		X	X	X	X		X							
25.2	Trải nghiệm hoạt động dạy học	POLI 4109	X			X		X		X							
III	Khối học văn của ngành																
III.1	Khối học văn chung của ngành																
III.1.1	Bắt buộc																
26	Pháp luật học đại cương	POLI 1101	X		X	X				X							
27	Logic học	POLI 222	X		X	X			X	X	X						
28	Kinh tế học đại cương	POLI 2101	X		X	X				X							
29	Chính trị học đại cương	POLI 2102	X		X	X		X		X							
30	Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho	POLI 2103	X		X	X		X		X							

	học sinh phổ thông																
III.1.2	Tự chọn																
31.1	Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam	POLI 1102	X		X	X		X		X							
32.2	Mĩ học và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh phổ thông	POLI 1103	X		X	X		X		X							
33.3	Văn hoá tổ chức	POLI 1104	X		X	X		X		X							
34.4	Chuyên đề tôn giáo và dân tộc	POLI 1105	X		X	X		X		X							
III.2	Khởi học vấn chuyên ngành																
III.2.1	Bắt buộc																
35	Giáo dục pháp luật 1	POLI 2104	X		X	X		X		X							
36	Giáo dục kinh tế 1	POLI 2105	X		X	X		X		X							
37	Giáo dục pháp luật 2	POLI 2106	X		X	X		X		X							
38	Giáo dục kinh tế 2	POLI 3101	X		X	X		X		X							

39	Giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông	POLI 3102	X		X	X		X		X							
40.1	Pháp luật về quyền con người và quyền trẻ em	POLI 3103	X		X	X		X	X	X	X						
40.2	Kĩ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật	POLI 3104	X		X	X		X	X	X	X						
41.1	Văn hoá kinh doanh	POLI 3105	X		X	X			X	X	X						
41.2	Hành vi người tiêu dùng	POLI 3106	X		X	X				X							
III. 2.2	Tự chọn																
42.1	Chuyên đề Bình đẳng giới và Giáo dục gia đình	POLI 2107	X		X	X				X							
42.2	Dur luận xã hội và truyền thông đại chúng	POLI 2108	X		X	X				X							
42.3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	POLI 2209	X		X	X				X							
III.	Khối học																

3	<i>vấn bổ trợ của chuyên ngành</i>																
III. 3.1	Bắt buộc																
43	Dạy học tích hợp trong môn Giáo dục công dân	POLI 3107	X		X	X		X		X							
44	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông	POLI 4101	X		X	X			X	X	X						
45	Giáo dục dân số và môi trường	POLI 4102	X		X	X				X							
48	Tự chọn																
46.1	– Kỹ năng mềm	POLI 4103	X		X	X			X	X	X						
46.2	– Hoạt động trải nghiệm trong môn Giáo dục công dân	POLI 4104	X		X	X				X							
III. 3.2	Khoá luận hoặc Tự chọn 2/3 học phần																
47.1	Những vấn đề của thời đại ngày nay	POLI 4105	X		X	X		X		X							

47.2	Công tác đoàn đội ở trường phổ thông	POLI 4106	X		X	X		X	X	X	X						
47.3	Quan hệ chính trị quốc tế	POLI 4107	X		X	X				X							

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS PHẠM VIỆT THẮNG